TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUAN SƠN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/2018/QĐST-HNGĐ	*Quan Sơn, ngày 21 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 08/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1984, địa chỉ cư trú: Khu x, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Hà Văn H, sinh năm 1983, địa chỉ cư trú: Khu x, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điểm a khoản 1 Điều 24; Khoản 7 Điều 26; Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2018,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị T và anh Hà Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Hà Văn H tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Phạm Thị T và anh Hà Văn H có 01 (một) con chung là Hà Chí K, sinh ngày xx/02/2010;

Ly hôn: Chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung; Anh Hà Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ/tháng *(một triệu đồng, trên tháng)* tính từ tháng 7 năm 2018 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Hà Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về tài sản và công nợ: Chị Phạm Thị T và anh Hà Văn H thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị T và anh Hà Văn H thỏa thuận chị Phạm Thị T chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm 150.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/002972 ngày 22/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quan Sơn. Chị Phạm Thị T được nhận lại số tiền 150.000 đồng.

Anh Hà Văn H phải nộp 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Quan Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quan Sơn;
- P. kiểm tra nghệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Minh Tiến